

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2023/HSST
Ngày: 20-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng
Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Thị Minh N - sinh ngày 27 tháng 6 năm 1984 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Số A đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036184004478; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không rõ bố, mẹ đẻ; mẹ nuôi là bà Trương Thị H; có chồng Đỗ Trọng T; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2023, sau đó chuyển tạm giam đến ngày 11-4-2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

1. Chị Phạm Thu U, sinh năm 1999; trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (vắng mặt tại phiên toà).

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Minh N là cán bộ Kỹ thuật viên trung cấp, Bộ môn Vi sinh vật - Ký sinh trùng thuộc Khoa Y học cơ sở của Trường Đại học Đ, đồng thời kiêm nhiệm thêm công việc tại Khoa xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng của Bệnh viện Đ. Với vị trí công việc được phân công nêu trên, Trương Thị Minh N không có quyền hạn, nhiệm vụ trong việc tuyển dụng nhân sự cho nhà trường.

Tháng 4/2022, mặc dù Trương Thị Minh N biết nhà trường không có chỉ tiêu tuyển dụng viên chức, cán bộ, nhân viên hợp đồng nhưng do thiếu tiền nên Trương Thị Minh N đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức nhận xin việc tại Trường Đại học Đ để chiếm đoạt tiền đặt cọc. Ngày 02-4-2022, Trương Thị Minh N đã sử dụng tài khoản Zalo nhắn tin vào nhóm Zalo của lớp học cấp 3 của Trương Thị Minh N với nội dung thể hiện Trương Thị Minh N có thể xin cho con em của các bạn trong lớp vào làm việc tại Trường Đại học Đ. Thấy vậy, bạn học cùng lớp cấp 3 của Trương Thị Minh N là anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1983; trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định có hàng xóm là chị Phạm Thu U, sinh năm 1999; trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định đã tốt nghiệp Trường Đại học Đ nhưng chưa có việc làm và đang có nhu cầu muốn xin việc tại thành phố N nên anh Nguyễn Quốc K đã chủ động gọi điện cho Trương Thị Minh N, nhờ Trương Thị Minh N xin việc giúp cho U. Anh Nguyễn Quốc K đã thông báo và cho chị Phạm Thu U số điện thoại của Trương Thị Minh N để chị Phạm Thu U chủ động liên hệ. Khoảng 20 giờ ngày 02-4-2022, chị Phạm Thu U gọi điện cho Trương Thị Minh N trình bày nguyện vọng muốn xin vào làm giảng viên Khoa truyền nhiễm của Trường Đại học Đ. Trương Thị Minh N hẹn chị Phạm Thu U ra nhà riêng của mình tại số A đường T, phường L, thành phố N để nói chuyện cụ thể. Khoảng 20 giờ ngày 05-4-2022, chị Phạm Thu U cùng chồng là anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định đến nhà Trương Thị Minh N. Tại đây, Trương Thị Minh N hứa hẹn sẽ xin việc cho chị Phạm Thu U theo đúng nguyện vọng, Trương Thị Minh N nói dối là Nhà trường hiện đang cần tuyển thêm 01 cán bộ hợp đồng làm tại vị trí lễ tân của Bệnh viện Đ, Trương Thị Minh N sẽ xin cho Phạm Thu U vào làm việc tại vị trí này trước, sau đó sẽ xin cho Phạm Thu U thi viên chức để làm giảng viên, kinh phí để xin việc cho Phạm Thu U là khoảng 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, vợ chồng chị Phạm Thu U phải đưa trước cho Trương Thị Minh N khoảng 100.000.000 đồng, số tiền còn lại thì khi xin được việc vợ chồng chị Phạm Thu U sẽ trả sau. Do tin tưởng Trương Thị Minh N nên vợ chồng chị Phạm Thu U đã đồng ý. Ngày 07-4-2022, Trương Thị Minh N sử dụng tài khoản Zalo nhắn tin, giục chị Phạm

Thu U nhanh chóng nộp hồ sơ xin việc nếu không sẽ có người khác xin trước. Cùng ngày, chị Phạm Thu U mang hồ sơ đến đưa cho Trương Thị Minh N, tuy nhiên do một số giấy tờ công chứng trong hồ sơ đã hết hạn nên Trương Thị Minh N đã trả lại hồ sơ cho chị Phạm Thu U bổ sung. Ngày 08-4-2022, Trương Thị Minh N nói dối là đã gặp thầy cô trong Ban giám hiệu và Phòng Tổ chức của Nhà trường để đặt vấn đề xin việc cho Phạm Thu U, đồng thời tiếp tục giục chị Phạm Thu U nộp hồ sơ xin việc. Do bận công việc cá nhân nên chị Phạm Thu U nhờ chồng là anh Nguyễn Văn L mang hồ sơ xin việc của Phạm Thu U đến nộp cho Trương Thị Minh N tại Trường Đại học Đ. Sau khi nhận hồ sơ, Trương Thị Minh N yêu cầu anh Nguyễn Văn L đưa cho Trương Thị Minh N 20.000.000 đồng là tiền phí nộp hồ sơ. Tại phòng làm việc của Trương Thị Minh N, anh Nguyễn Văn L đã sử dụng ứng dụng điện thoại và chuyển vào tài khoản ngân hàng của Trương Thị Minh N số tiền 20.000.000 đồng. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Trương Thị Minh N nhắn tin thông báo cho chị Phạm Thu U là Trương Thị Minh N đã đưa hồ sơ xin việc của chị lên phòng tổ chức, tuy nhiên thực tế Trương Thị Minh N không nộp hồ sơ cho ai mà cất giấu tại tủ cá nhân của mình. Ngày 15-4-2022, Trương Thị Minh N nhắn tin nói dối với chị Phạm Thu U là Phòng tổ chức của Nhà trường đã nhận hồ sơ xin việc của Phạm Thu U và trong khoảng 45 ngày chị Phạm Thu U sẽ có quyết định được nhận vào làm hợp đồng tại Nhà trường, trong năm 2022 chị Phạm Thu U sẽ được sắp xếp thi viên chức; đối với nguyện vọng vào làm giảng viên tại Khoa truyền nhiễm của chị Phạm Thu U thì Phòng tổ chức đang cân nhắc; Về kinh phí, Trương Thị Minh N yêu cầu vợ chồng chị Phạm Thu U phải đưa thêm 100.000.000 đồng nữa giao vào ngày 16-4-2022 hoặc ngày 18-4-2022. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18-4-2022, vợ chồng chị Phạm Thu U đến nhà Trương Thị Minh N, tại đây anh Nguyễn Văn L đã sử dụng ứng dụng điện thoại chuyển vào tài khoản ngân hàng của Trương Thị Minh N số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 30-4-2022, Trương Thị Minh N yêu cầu vợ chồng chị Phạm Thu U đưa thêm 10.000.000 đồng để lo công việc. Sau đó, anh Nguyễn Văn L tiếp tục chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của Trương Thị Minh N 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng chị Phạm Thu U, anh Nguyễn Văn L đã chuyển cho Trương Thị Minh N để nhờ xin việc là 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của vợ chồng chị Phạm Thu U, Trương Thị Minh N không liên hệ với ai để xin việc cho Phạm Thu U, cũng không sử dụng tiền mà vợ chồng Phạm Thu U đưa để xin việc mà Trương Thị Minh N đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau 45 ngày mà Trương Thị Minh N đã hứa hẹn, chị Phạm Thu U vẫn chưa nhận được quyết định vào làm hợp đồng. Để tránh bị phát hiện, Trương Thị Minh N nhắn tin nói với chị Phạm Thu U là sắp có quyết định và bảo chị Phạm Thu U chờ đợi thêm một thời gian nữa. Đến tháng 8/2022, do không nhận được kết quả gì nên vợ chồng chị Phạm Thu U quyết định không xin việc nữa và yêu cầu Trương Thị Minh N

trả tiền. Tuy nhiên, Trương Thị Minh N lấy lý do sắp có kết quả và không trả lại tiền cho vợ chồng chị Phạm Thu U. Từ tháng 8/2022 đến tháng 01/2023, vợ chồng chị Phạm Thu U liên lạc hẹn gặp Trương Thị Minh N để đòi lại tiền nhưng Trương Thị Minh N trốn tránh, lấy lý do bận công việc cá nhân và nói dối số tiền mà vợ chồng Phạm Thu U đưa thì Trương Thị Minh N đã đưa cho người khác để nhờ xin việc, Trương Thị Minh N chưa đòi lại được số tiền đó nên chưa trả lại cho vợ chồng Phạm Thu U. Ngày 18-01-2023, anh Nguyễn Văn L có đơn trình báo nội dung vụ việc tới Ban giám hiệu Trường Đại học Đ. Ngày 02-02-2023, Trường Đại học Đ có công văn trả lời anh Nguyễn Văn L, xác nhận Trương Thị Minh N là cán bộ đang làm việc tại nhà trường và từ tháng 3/2021 đến nay, Nhà trường không có kế hoạch tuyển dụng bất kỳ vị trí việc làm nào thuộc Nhà trường. Lúc này, do sợ ảnh hưởng tới công việc nên ngày 09-02-2023 và ngày 12-02-2023, Trương Thị Minh N đã chủ động chuyển vào tài khoản ngân hàng của anh Nguyễn Văn L lần lượt số tiền là 24.000.000 đồng và 30.000.000 đồng để trả cho anh Nguyễn Văn L. Ngày 01-3-2023, Trương Thị Minh N viết đơn xin nghỉ việc và được nhà trường chấp thuận. Còn lại số tiền 76.000.000 đồng, do Trương Thị Minh N vẫn không trả nên vợ chồng chị Phạm Thu U và anh Nguyễn Văn L đã trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Thị Minh N đã tự nguyện đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động Redmi A10 màu đen là công cụ mà Trương Thị Minh N đã sử dụng để nhắn tin, liên lạc với bị hại. Ngoài ra, Trương Thị Minh N còn giao nộp lại cho Cơ quan điều tra 01 bộ hồ sơ xin việc bao gồm 01 bìa hồ sơ, 01 sơ yếu lý lịch bản chính, 01 giấy khám sức khỏe bản chính, các bản phô-tô công chứng sổ hộ khẩu, căn cước công dân, bằng đại học, bằng tin học, bằng ngoại ngữ, bằng giáo dục, quốc phòng đều mang tên Phạm Thu U.

Về vấn đề bồi thường dân sự: Trương Thị Minh N đã tự nguyện khắc phục bồi thường cho vợ chồng chị Phạm Thu U, anh Nguyễn Văn L số tiền 54.000.000 đồng. Sau đó, Trương Thị Minh N đã tác động gia đình, anh Đỗ Trọng T, sinh năm 1983 (là chồng bị cáo); trú tại: Số A đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định bồi thường cho vợ chồng chị Phạm Thu U, anh Nguyễn Văn L số tiền 76.000.000 đồng. Vợ chồng chị Phạm Thu U, anh Nguyễn Văn L đã nhận đủ số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), không có yêu cầu gì khác. Anh L1 và chị U đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 152/CT-VKS-TPND ngày 20-6-2023 của Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự tại thành phố Nam Định truy tố Trương Thị Minh N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Minh N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đó nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhận đơn thành phố Nam Định giữ quyền cung tố luật tội và tranh luận: Cỗ tài liệu cú trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trương Thị Minh N tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Thị Minh N theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trương Thị Minh N phạm “ Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Minh N 03 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Buộc bị cáo Trương Thị Minh N phải nộp ôn phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trương Thị Minh N nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Minh N và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trương Thị Minh N trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như: Các bản phô-tô nội dung tin nhắn Zalo và tin nhắn điện thoại (có chữ ký của bị cáo Trương Thị Minh N và người bị hại), công văn trả lời đơn trình báo của anh Nguyễn Văn L của Trường Đại học Đ; biên bản kiểm tra nội dung tin nhắn điện

thoại và tin nhắn Z; lời khai của những người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ 02-4-2022 đến ngày 30-4-2022 bị cáo Trương Thị Minh N đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng tài khoản zalo hứa hẹn xin việc cho chị Phạm Thu U. Bị cáo đã nói với chị U là Trường Đại học Đ hiện đang cần tuyển thêm một cán bộ hợp đồng làm tại vị trí lễ tân của Bệnh viện Đ, bị cáo sẽ xin cho chị U vào làm việc tại vị trí này. Bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để yêu cầu vợ chồng chị Phạm Thu U, anh Nguyễn Văn L chuyển tiền cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chồng chị Phạm Thu U, anh Nguyễn Văn L là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), bị cáo đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Trương Thị Minh N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cộng đồng, gây mất trật tự an toàn xã hội; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện; tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) nên bị cáo Trương Thị Minh N có phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về cáo tố tụng giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tố tụng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trương Thị Minh N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú và tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền cho vợ chồng chị Phạm Thu U và anh Nguyễn Văn L; bản thân bị cáo Trương Thị Minh N được tặng Bằng khen và nhiều giấy khen do có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid-19; bị hại cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trương Thị Minh N thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị U và anh L từ ngày 02-4-2022 đến ngày 30-4-2022, anh Nguyễn Văn L đã sử dụng ứng dụng điện thoại, chuyển vào tài khoản ngân hàng của bị cáo N tổng cộng 03 lần. Tuy nhiên, cả 03 lần anh L chuyển khoản đều có tính chất liên tục về mặt thời gian, bị cáo N cũng sử dụng cùng một thủ đoạn gian dối nói mình là có thể xin việc cho chị U và yêu cầu anh L, chị U chuyển khoản để làm thủ tục xin việc. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo Trương Thị Minh N không thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tởnht tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Thị Minh N khụng bị áp dụng tởnht tiết tăng nặng.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, thể hiệ n ý thức coi thường pháp luật, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, trước khi phạm tội, bị cáo cú nhân thốn tốt, có nhiều đóng góp trong những năm cả đất nước chống đại dịch COVID-19. Bị cáo được Ban tặng bằng khen; Sở Y Tế tỉ nh B; Chủ tịch UBND thị xã B – tỉnh Bình Dương tặng giấy khen. Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử sẽ chỉ phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo Trương Thị Minh N cú nhốn thốn tốt, có nơi cư trý rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử có thể cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Cùng với việc cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử sẽ ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương để giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trương Thị Minh N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trương Thị Minh N phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo đã xin nghỉ việc từ ngày 01-3-2023, hiện tại không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Phạm Thu U và anh Nguyễn Văn L đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu gì khác. Do đó, vấn đề dân sự trong vụ án đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Chiếc điện thoại di động niêm phong trong túi niề m phong mã số NS3-2145997 và 01 chiếc phôi sim điện thoại được niêm phong trong túi niề m phong mã số NS4A-112884 là công cụ, phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử sẽ tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động; đối với chiếc sim điện thoại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Trương Thị Minh N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Minh N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Minh N 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tù kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20-7-2023.

Giao bị cáo Trương Thị Minh N cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trương Thị Minh N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trương Thị Minh N phải chấp hành hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3-2145997.

Tịch thu tài sản của bị cáo đối với 01 phụ kiện điện thoại di động được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS4A-112884.

3. Tiền phạt:

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trương Thị Minh N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền phạt hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trương Thị Minh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Phạm Thu U, anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15 ngày kể từ ngày nhận** được bản án hoặc hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi **hành dân sự**./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND. tỉnh Nam Định;
- VKSND-TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS-TP. Nam Định;
- UBND P. Lộc Hạ, TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Định